

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐHY - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 01

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI01	Mạc Văn Ân	18/3/1987	Da liễu			
2	CKI02	Nguyễn Thị Lan Anh	28/05/1994	Nhi khoa			
3	CKI03	Nguyễn Thị Trà Anh	06/08/1991	Nhi khoa			
4	CKI04	Nguyễn Tuấn Anh	17/4/1988	Nội khoa			
5	CKI05	Nguyễn Thị Vân Anh	31/5/1993	Nội khoa			
6	CKI06	Dương Thị Vân Anh	04/12/1990	Nội khoa			
7	CKI07	Nguyễn Ngọc Anh	10/6/1976	CĐHA			
8	CKI08	Trần Việt Anh	10/8/1984	CĐHA			
9	CKI09	Lương Văn Anh	22/01/1984	CĐHA			
10	CKI10	Lê Tuấn Anh	24/8/1982	Dược lý - DLS			
11	CKI11	Đinh Khắc Việt Anh	30/5/1993	Dược lý - DLS			
12	CKI12	Tô Thị Vân Anh	21/11/1993	Dược lý - DLS			
13	CKI13	Vũ Ngọc Anh	22/10/1967	Điều dưỡng			
14	CKI14	Nguyễn Thị Hồng Anh	11/02/1994	Xét nghiệm y học			
15	CKI15	Nguyễn Tuấn Anh	19/11/1994	Phục hồi chức năng			
16	CKI16	Hoàng Thị Ngọc Ánh	19/8/1988	Nội khoa			
17	CKI17	Nguyễn Thị Ánh	18/5/1991	Nội khoa			
18	CKI18	Nguyễn Thị Hồng Ánh	05/8/1981	Nội khoa			
19	CKI19	Nguyễn Khắc Ba	04/4/1987	Nhãn khoa			
20	CKI20	Nguyễn Huy Ba	07/8/1990	CĐHA			
21	CKI21	Phạm Văn Ba	02/02/1988	Gây mê hồi sức			
22	CKI22	Trần Văn Bào	27/11/1982	Răng hàm mặt			
23	CKI23	Nông Thị Bé	05/5/1984	Nội khoa			
24	CKI24	Lý Thị Bền	23/06/1990	Sản phụ khoa			
25	CKI25	Phạm Hồng Bích	15/12/1988	Phục hồi chức năng			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐHY - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 02

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI26	Hoàng Thị	Biển	17/05/1990	Sản phụ khoa			
2	CKI27	Trần Văn	Bình	10/03/1980	Răng hàm mặt			
3	CKI28	Trần Thanh	Bình	05/10/1980	Da liễu			
4	CKI29	Tô Thanh	Bình	17/8/1983	Dược lý - DLS			
5	CKI30	Tổng Thị	Bình	06/12/1994	Dược lý - DLS			
6	CKI31	Bùi Phương	Châm	21/10/1990	Dược lý - DLS			
7	CKI32	Nguyễn Văn	Châu	13/10/1985	Răng hàm mặt			
8	CKI33	Vương Hà	Chi	13/08/1992	Tai mũi họng			
9	CKI34	Nguyễn Bách	Chiến	16/7/1991	CDHA			
10	CKI35	Phạm Văn	Chiến	08/07/1977	Xét nghiệm y học			
11	CKI36	Kiều Văn	Chiến	26/10/1980	Gây mê hồi sức			
12	CKI37	Phạm Văn	Chinh	09/5/1979	CDHA			
13	CKI38	Lê Đình	Chinh	22/10/1992	Xét nghiệm y học			
14	CKI39	Nguyễn Thành	Chung	21/09/1987	Tai mũi họng			
15	CKI40	Lê Hồng	Chung	12/09/1990	Tai mũi họng			
16	CKI41	Hoàng Văn	Chung	19/01/1984	Tai mũi họng			
17	CKI42	Nguyễn Văn	Chung	09/6/1984	Tâm thần			
18	CKI43	Hoàng Quang	Chuyên	10/7/1970	Y tế công cộng			
19	CKI44	Bế Ích	Chuyên	17/09/1983	Y tế công cộng			
20	CKI45	Văn Huy	Cơ	27/8/1974	CDHA			
21	CKI46	Nguyễn Văn	Công	03/05/1993	Răng hàm mặt			
22	CKI47	Đình Kim	Cúc	15/9/1978	Điều dưỡng			
23	CKI48	Phạm Thị	Cúc	06/03/1983	Y tế công cộng			
24	CKI49	Lê Thành	Cương	13/6/1966	Phục hồi chức năng			
25	CKI50	Nguyễn Văn	Cường	24/08/1984	Nhi khoa			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 03

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI51	Trần Văn Cường	08/05/1984	Răng hàm mặt			
2	CKI52	Dương Mạnh Cường	25/02/1981	Răng hàm mặt			
3	CKI53	Nguyễn Mạnh Cường	21/07/1991	Răng hàm mặt			
4	CKI54	Trương Việt Cường	08/12/1991	Răng hàm mặt			
5	CKI55	Phạm Văn Cường	20/10/1984	Răng hàm mặt			
6	CKI56	Lê Chí Cường	23/12/1975	Nội khoa			
7	CKI57	Mai Hồng Cường	03/7/1987	Ngoại khoa			
8	CKI58	Nguyễn Đức Cường	13/6/1985	Da liễu			
9	CKI59	Nguyễn Huy Cường	02/5/1991	CĐHA			
10	CKI60	Trần Việt Cường	02/6/1988	Dược lý - DLS			
11	CKI61	Dương Tuấn Cường	26/01/1991	Xét nghiệm y học			
12	CKI62	Lò Văn Đại	10/11/1991	Tai mũi họng			
13	CKI63	Phạm Xuân Đại	17/01/1981	Da liễu			
14	CKI64	Phạm Ngọc Đàm	29/04/1992	Phục hồi chức năng			
15	CKI65	Nguyễn Hoàng Đăng	19/08/1989	Nội khoa			
16	CKI66	Nguyễn Văn Đạt	14/7/1990	Ngoại khoa			
17	CKI67	Đặng Minh Diễm	20/9/1985	Da liễu			
18	CKI68	Trương Quốc Diệp	07/8/1964	Da liễu			
19	CKI69	Nguyễn Thị Diệp	20/3/1993	Dược lý - DLS			
20	CKI70	Bùi Trung Diệp	28/6/1988	Gây mê hồi sức			
21	CKI71	Nguyễn Trọng Diệp	29/03/1975	Y học gia đình			
22	CKI72	Nguyễn Bá Dinh	21/07/1974	Nội khoa			
23	CKI73	Sùng Chính Dính	18/11/1989	Gây mê hồi sức			
24	CKI74	Nguyễn Quang Định	01/07/1984	Lao			
25	CKI75	Lê Công Định	30/11/1984	Nội khoa			

An định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 03

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI76	Văn Thị Dịu	28/09/1986	Sản phụ khoa			
2	CKI77	Nguyễn Thu Dịu	21/11/1986	Y tế công cộng			
3	CKI78	Nguyễn Thành Đồng	13/12/1972	Nội khoa			
4	CKI79	Nguyễn Mạnh Đồng	24/5/1973	Nội khoa			
5	CKI80	Lý Thị Đức	06/02/1989	Nhi khoa			
6	CKI81	Trần Việt Đức	06/11/1988	CDHA			
7	CKI82	Chu Phương Đức	13/10/1987	Xét nghiệm y học			
8	CKI83	Trần Anh Đức	15/10/1988	Gây mê hồi sức			
9	CKI84	Hoàng Minh Đức	14/01/1989	Gây mê hồi sức			
10	CKI85	Nguyễn Anh Đức	04/02/1983	Y học gia đình			
11	CKI86	Nguyễn Mạnh Đức	06/04/1975	Xét nghiệm y học			
12	CKI87	Nguyễn Phương Dung	13/10/1991	Tai mũi họng			
13	CKI88	Đỗ Thị Thanh Dung	13/11/1983	Dược lý - DLS			
14	CKI89	Nguyễn Thị Kim Dung	05/3/1985	Điều dưỡng			
15	CKI90	Tạ Thùy Dung	24/12/1991	Xét nghiệm y học			
16	CKI91	Nguyễn Thị Dung	24/3/1988	Xét nghiệm y học			
17	CKI92	Trần Tiến Dũng	10/12/1983	Tai mũi họng			
18	CKI93	Trần Đức Dũng	18/08/1979	Tai mũi họng			
19	CKI94	Nguyễn Tiến Dũng	17/11/1978	Nội khoa			
20	CKI95	Đoàn Mạnh Dũng	24/10/1992	Nội khoa			
21	CKI96	Nguyễn Ngọc Dũng	12/2/1977	Nội khoa			
22	CKI97	Nguyễn Tiến Dũng	28/4/1993	Nội khoa			
23	CKI98	Đặng Quang Dũng	19/8/1983	Gây mê hồi sức			
24	CKI99	Lê Vũ Dương	30/5/1990	Ngoại khoa			
25	CKI100	Nguyễn Văn Dương	04/10/1982	CDHA			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 05

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKII01	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23/9/1983	CĐHA		
2	CKII02	Nông Văn	Dương	23/08/1976	Điều dưỡng		
3	CKII03	Đặng Đức	Dương	22/09/1978	Gây mê hồi sức		
4	CKII04	Bùi Văn	Duy	10/08/1972	Sản phụ khoa		
5	CKII05	Hà Thế	Duy	24/10/1995	Xét nghiệm y học		
6	CKII06	Nguyễn Văn	Duy	19/12/1981	Phục hồi chức năng		
7	CKII07	Đỗ Thị Thắm	Duyên	17/4/1990	Tai mũi họng		
8	CKII08	Lương Thị	Duyên	20/11/1980	CĐHA		
9	CKII09	Hoàng Hà	Gấm	19/07/1992	Sản phụ khoa		
10	CKII10	Triệu Thị Hương	Giang	7/11/1991	Nội khoa		
11	CKII11	Nguyễn Thị Thu	Giang	25/9/1986	Dược lý - DLS		
12	CKII12	Nguyễn Hương	Giang	09/04/1994	Xét nghiệm y học		
13	CKII13	Lê Xuân	Giang	15/10/1982	Xét nghiệm y học		
14	CKII14	Phạm Huy	Hà	15/03/1990	Tai mũi họng		
15	CKII15	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/4/1993	Nội khoa		
16	CKII16	Đinh Thị	Hà	02/8/1983	Dược lý - DLS		
17	CKII17	Chu Thị Thu	Hà	21/11/1992	Y tế công cộng		
18	CKII18	Trần Thị	Hà	05/11/1986	Xét nghiệm y học		
19	CKII19	Nguyễn Thị Minh	Hà	20/09/1988	Xét nghiệm y học		
20	CKII20	Lê Thị Thu	Hà	27/07/1996	Xét nghiệm y học		
21	CKII21	Nguyễn Văn	Hải	24/11/1976	Tâm thần		
22	CKII22	Trần Thị	Hải	10/11/1988	Dược lý - DLS		
23	CKII23	Nguyễn Thị Thanh	Hải	10/08/1991	Tai mũi họng		
24	CKII24	Lê Thị	Hải	14/05/1987	Răng hàm mặt		
25	CKII25	Lương Mạnh	Hải	08/9/1987	Nội khoa		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 06

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKII26	Hoàng Thanh	Hải	20/8/1991	Gây mê hồi sức			
2	CKII27	Trần Văn	Hân	19/08/1989	Tai mũi họng			
3	CKII28	Tạ Lê	Hằng	19/04/1991	Tai mũi họng			
4	CKII29	Nguyễn Thị	Hằng	28/04/1976	Tai mũi họng			
5	CKII30	Hoàng Thị Thu	Hằng	28/12/1979	Tâm thần			
6	CKII31	Đỗ Thị Thu	Hằng	25/07/1987	Phục hồi chức năng			
7	CKII32	Nguyễn Duy	Hạnh	18/9/1973	Nội khoa			
8	CKII33	Trần Thế	Hạnh	10/10/1972	Phục hồi chức năng			
9	CKII34	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	03/9/1976	Nội khoa			
10	CKII35	Bùi Thị	Hạnh	23/11/1981	Nội khoa			
11	CKII36	Ong Thị Bích	Hạnh	15/02/1993	Dược lý - DLS			
12	CKII37	Ngô Thị	Hạnh	02/8/1986	Điều dưỡng			
13	CKII38	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	15/09/1997	Xét nghiệm y học			
14	CKII39	Trần Thị Bích	Hạnh	10/8/1983	Xét nghiệm y học			
15	CKII40	Trần Thế	Hào	28/7/1977	Nội khoa			
16	CKII41	Lê Thị	Hào	01/3/1987	CĐHA			
17	CKII42	Vũ Bá	Hậu	25/11/1984	Tâm thần			
18	CKII43	Ma Thị	Hiên	03/11/1991	Sản phụ khoa			
19	CKII44	Nguyễn Thị Thu	Hiên	14/8/1981	Tâm thần			
20	CKII45	Lê Thu	Hiên	6/11/1978	Phục hồi chức năng			
21	CKII46	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	15/02/1989	Sản phụ khoa			
22	CKII47	Phùng Thị	Hiên	08/5/1983	Tâm thần			
23	CKII48	Đàm Thị Thu	Hiên	04/02/1988	Tâm thần			
24	CKII49	Bùi Thị	Hiên	22/7/1992	Điều dưỡng			
25	CKII50	Nguyễn Thị	Hiên	26/08/1982	Xét nghiệm y học			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 07

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI151	Nguyễn Thu	Hiền	19/02/1983	Xét nghiệm y học		
2	CKI152	Trương Thị Thu	Hiền	27/4/1993	Phục hồi chức năng		
3	CKI153	Tạ Đức	Hiền	03/10/1987	Nội khoa		
4	CKI154	Bùi Quốc	Hiền	01/10/1986	Tâm thần		
5	CKI155	Nguyễn Công	Hiếu	20/11/1981	Nhi khoa		
6	CKI156	Lý Trung	Hiếu	24/3/1990	Ngoại khoa		
7	CKI157	Vũ Thị Tâm	Hiếu	04/05/1983	Xét nghiệm y học		
8	CKI158	Nguyễn Văn	Hiếu	12/08/1979	Y học cổ truyền		
9	CKI159	Hoàng Văn	Hình	08/05/1988	Y tế công cộng		
10	CKI160	Đàm Thị	Hoa	14/06/1984	Tai mũi họng		
11	CKI161	Hoàng Thùy	Hoa	17/11/1986	Nội khoa		
12	CKI162	Đinh Thị	Hoa	02/9/1989	Nhãn khoa		
13	CKI163	Lưu Thanh	Hoa	19/10/1997	Xét nghiệm y học		
14	CKI164	Nguyễn Xuân	Hoa	25/02/1989	Phục hồi chức năng		
15	CKI165	Dương Thị	Hoà	01/2/1989	Nội khoa		
16	CKI166	Bùi Việt	Hoà	15/11/1976	Nội khoa		
17	CKI167	Trần Thanh	Hoà	25/7/1987	Điều dưỡng		
18	CKI168	Nguyễn Thị	Hoà	06/06/1990	Xét nghiệm y học		
19	CKI169	Nguyễn Văn	Hòa	02/11/1979	Răng hàm mặt		
20	CKI170	Hùng Thị Thu	Hòa	27/12/1981	Điều dưỡng		
21	CKI171	Nguyễn Thị Đan	Hoài	29/07/1984	Nhãn khoa		
22	CKI172	Vi Thanh	Hoài	15/01/1989	Dược lý - DLS		
23	CKI173	Phạm Xuân	Hoan	22/04/1982	Tai mũi họng		
24	CKI174	Lù Thị	Hoan	19/02/1975	Dược lý - DLS		
25	CKI175	Trần Thị	Hoàn	19/07/1986	Nhi khoa		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 08

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI176	Nguyễn Thị Xuân	Hoàn	24/10/1983	Nhãn khoa			
2	CKI177	Châu Huy	Hoàng	06/11/1989	Da liễu			
3	CKI178	Nguyễn Thị Hương	Hồi	17/10/1995	Nội khoa			
4	CKI179	Lê Văn	Hợi	11/02/1983	Y tế công cộng			
5	CKI180	Lò Văn	Hom	10/10/1982	Nội khoa			
6	CKI181	Hoàng Thị	Hồng	05/11/1984	Tai mũi họng			
7	CKI182	Trần Thị	Hồng	09/01/1982	Răng hàm mặt			
8	CKI183	Lê Thị	Hồng	14/05/1987	Răng hàm mặt			
9	CKI184	Vũ Thị Thanh	Hồng	20/7/1978	Nội khoa			
10	CKI185	Nông Thị	Hồng	24/10/1989	Da liễu			
11	CKI186	Chu Thị	Hồng	23/10/1993	Dược lý - DLS			
12	CKI187	Đoàn Thị	Hồng	18/12/1990	Xét nghiệm y học			
13	CKI188	Tạ Thị Thu	Hợp	12/03/1979	Xét nghiệm y học			
14	CKI189	Nguyễn Văn	Huân	15/10/1978	Nhãn khoa			
15	CKI190	Nguyễn Văn	Huê	08/2/1980	Ngoại khoa			
16	CKI191	Nguyễn Thị	Huê	01/10/1990	Xét nghiệm y học			
17	CKI192	Nguyễn Thị	Huế	12/9/1985	Da liễu			
18	CKI193	Ngô Thị	Huế	21/01/1991	Y học gia đình			
19	CKI194	Lê Thị Minh	Huệ	24/11/1975	Phục hồi chức năng			
20	CKI195	Phan Việt	Hùng	06/08/1968	Tai mũi họng			
21	CKI196	Nguyễn Văn	Hùng	25/10/1987	Răng hàm mặt			
22	CKI197	Nguyễn Hải	Hùng	14/08/1983	Răng hàm mặt			
23	CKI198	Nguyễn Văn	Hùng	25/10/1987	Răng hàm mặt			
24	CKI199	Đào Duy	Hùng	20/8/1980	CĐHA			
25	CKI200	Đỗ Đức	Hùng	24/12/1969	CĐHA			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 09

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI201	Quách Văn	Hùng	24/3/1991	CĐHA			
2	CKI202	Phạm Hữu	Hùng	16/3/1985	CĐHA			
3	CKI203	Hà Mạnh	Hùng	26/08/1986	Răng hàm mặt			
4	CKI204	Hứa Quốc	Hùng	01/11/1989	Nội khoa			
5	CKI205	Trần Duy	Hùng	20/10/1986	Nội khoa			
6	CKI206	Đoàn Văn	Hùng	07/10/1981	CĐHA			
7	CKI207	Nguyễn Đăng	Hùng	21/05/1989	Gây mê hồi sức			
8	CKI208	Đỗ Thị Thanh	Hương	17/11/1975	Nội khoa			
9	CKI209	Nguyễn Thị Việt	Hương	02/10/1981	Dược lý - DLS			
10	CKI210	Phạm Thị	Hương	22/12/1984	Dược lý - DLS			
11	CKI211	Nguyễn Thị	Hương	07/01/1990	Xét nghiệm y học			
12	CKI212	Phan Thị Thu	Hương	19/05/1984	Xét nghiệm y học			
13	CKI213	Nguyễn Thị Thanh	Hương	23/06/1975	Xét nghiệm y học			
14	CKI214	Nguyễn Thị	Hương	28/09/1982	Phục hồi chức năng			
15	CKI215	Nguyễn Thu	Hương	15/5/1982	Sản phụ khoa			
16	CKI216	Hoàng Thị Kim	Hương	09/9/1981	Nội khoa			
17	CKI217	Nguyễn Thị	Hương	12/8/1972	CĐHA			
18	CKI218	Nguyễn Thị	Hương	15/07/1986	Gây mê hồi sức			
19	CKI219	Đào Thị	Hương	13/10/1991	Nội khoa			
20	CKI220	Thái Doãn	Huy	10/09/1988	Tai mũi họng			
21	CKI221	Dương Quốc	Huy	31/08/1979	Răng hàm mặt			
22	CKI222	Phạm Thị	Huy	05/12/1982	Răng hàm mặt			
23	CKI223	Nguyễn Quốc	Huy	20/6/1989	Ngoại khoa			
24	CKI224	Phạm Quang	Huy	22/11/1982	Xét nghiệm y học			
25	CKI225	Dương Thị	Huyền	22/02/1980	Dược lý - DLS			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 10

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI226	Đình Ngọc	Huyền	09/11/1991	Nội khoa			
2	CKI227	Hoàng Thị	Huyền	06/12/1975	Nội khoa			
3	CKI228	Hoàng Thị	Huyền	20/4/1977	Nội khoa			
4	CKI229	Nguyễn Thị	Huyền	04/10/1991	Da liễu			
5	CKI230	Tôn Thị	Huyền	03/8/1980	Dược lý - DLS			
6	CKI231	Nguyễn Thị	Huyền	01/12/1990	Điều dưỡng			
7	CKI232	Trần Thị Thanh	Huyền	22/04/1984	Điều dưỡng			
8	CKI233	Phạm Thanh	Huyền	14/9/1990	Phục hồi chức năng			
9	CKI234	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	20/11/1990	Phục hồi chức năng			
10	CKI235	Hoàng Văn	Huỳnh	19/08/1992	Tai mũi họng			
11	CKI236	Triệu Thị	Khách	03/08/1989	Ung thư			
12	CKI237	Nguyễn Trí	Khang	22/02/1974	Răng hàm mặt			
13	CKI238	Nguyễn Quốc	Khánh	03/9/1983	CĐHA			
14	CKI239	Võ Đại	Khánh	11/06/1977	Gây mê hồi sức			
15	CKI240	Trần Đăng	Khoa	21/02/1985	Dược lý - DLS			
16	CKI241	Hoàng Văn	Khởi	10/10/1986	Tai mũi họng			
17	CKI242	Phạm Trung	Kiên	20/10/1981	Sản phụ khoa			
18	CKI243	Đồng Xuân	Kiên	08/3/1984	CĐHA			
19	CKI244	Vũ Ngọc	Kiên	17/01/1991	CĐHA			
20	CKI245	Đào Thanh	Kiều	12/02/1990	Da liễu			
21	CKI246	Đình Thị	Kiều	27/7/1987	Tâm thần			
22	CKI247	Cao Thị	Kim	10/09/1993	Sản phụ khoa			
23	CKI248	Lý Thị	Kim	18/01/1990	Nhi khoa			
24	CKI249	Nông Thị	Lạc	17/08/1984	Y tế công cộng			
25	CKI250	Đặng Đình	Lâm	02/10/1986	Răng hàm mặt			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH ĐU THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 11

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI251	Hà Ngọc	Lâm	17/04/1977	Ngoại khoa			
2	CKI252	Phạm Văn	Lâm	03/2/1982	CĐHA			
3	CKI253	Nông Thị	Lan	28/5/1990	Nhi khoa			
4	CKI254	Phạm Thị	Lan	23/10/1983	Dược lý - DLS			
5	CKI255	Nguyễn Thị Hương	Lan	13/09/1986	Xét nghiệm y học			
6	CKI256	Nguyễn Thị	Lân	16/04/1990	Nhi khoa			
7	CKI257	Nguyễn Văn	Lân	12/11/1977	Răng hàm mặt			
8	CKI258	Hà Thị	Lân	20/9/1981	Nội khoa			
9	CKI259	Nguyễn Thị	Lăng	15/06/1989	Phục hồi chức năng			
10	CKI260	Đỗ Thị	Lê	22/03/1992	Y học gia đình			
11	CKI261	Vũ Thị Mỹ	Lệ	07/12/1992	Nội khoa			
12	CKI262	Nguyễn Nhật	Lệ	17/8/1991	Nhãn khoa			
13	CKI263	Hà Thị Kim	Liên	21/5/1980	Nội khoa			
14	CKI264	Nguyễn Thị	Liên	29/11/1979	Nội khoa			
15	CKI265	Hoàng Quỳnh	Liên	23/1/1987	Nhãn khoa			
16	CKI266	Mã Thị	Linh	16/02/1991	Da liễu			
17	CKI267	Nguyễn Thị	Linh	28/3/1991	Da liễu			
18	CKI268	Nguyễn Thị Kiều	Loan	22/05/1994	Nhi khoa			
19	CKI269	Lê Thị	Loan	3/5/1992	Phục hồi chức năng			
20	CKI270	Đỗ Đức	Long	28/10/1990	Tai mũi họng			
21	CKI271	Đinh Thị	Lựa	28/8/1983	Y tế công cộng			
22	CKI272	Nguyễn Hồng	Luân	08/05/1989	Tai mũi họng			
23	CKI273	Trương Minh	Luân	28/02/1989	Tai mũi họng			
24	CKI274	Dương Văn	Luân	02/03/1982	Tai mũi họng			
25	CKI275	Phạm Văn	Luân	16/06/1986	Răng hàm mặt			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 12

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI276	Nguyễn Thành	Luân	14/3/1988	Dược lý - DLS			
2	CKI277	Phùng Văn	Lực	11/11/1977	Phục hồi chức năng			
3	CKI278	Hoàng Thị	Lựu	19/02/1983	Y tế công cộng			
4	CKI279	Phạm Thị	Luyến	18/07/1987	Sản phụ khoa			
5	CKI280	Nguyễn Văn	Luyến	25/12/1978	Nội khoa			
6	CKI281	Nguyễn Phương	Ly	15/08/1987	Tai mũi họng			
7	CKI282	Phạm Nguyễn Khánh	Ly	22/12/1991	Da liễu			
8	CKI283	Cao Xuân	Lý	15/05/1989	Tai mũi họng			
9	CKI284	Lê Thị	Mai	24/7/1977	Nội khoa			
10	CKI285	Nguyễn Thị Thanh	Mai	01/01/1984	CĐHA			
11	CKI286	Nguyễn Thị	Mai	12/06/1974	Y tế công cộng			
12	CKI287	Giảng A	Màng	20/11/1985	Tai mũi họng			
13	CKI288	Đỗ Văn	Mạnh	30/10/1983	Nội khoa			
14	CKI289	Đỗ Thành	Mão	28/3/1987	Nội khoa			
15	CKI290	Hà Bình	Minh	18/11/1989	Điều dưỡng			
16	CKI291	Vương Lê	Na	28/08/1981	Tai mũi họng			
17	CKI292	Ma Thị	Na	21/12/1993	Phục hồi chức năng			
18	CKI293	Nguyễn Phương	Nam	29/01/1986	Sản phụ khoa			
19	CKI294	Lê Hải	Nam	01/2/1987	Ngoại khoa			
20	CKI295	Phạm Triệu	Nam	14/7/1993	Da liễu			
21	CKI296	Nguyễn Viết	Nam	11/6/1977	CĐHA			
22	CKI297	Nguyễn Thanh	Nam	02/11/1982	CĐHA			
23	CKI298	Nguyễn Vũ	Nam	20/02/1982	Dược lý - DLS			
24	CKI299	Trịnh Thị	Nga	01/05/1983	Nhi khoa			
25	CKI300	Nguyễn Cảnh	Nga	21/7/1982	Nội khoa			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH ĐU THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 13

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI301	Phan Thị	Nga	02/9/1989	Tâm thần			
2	CKI302	Hà Thu	Nga	10/01/1990	Xét nghiệm y học			
3	CKI303	La Thị Ngọc	Ngà	29/11/1992	Nhi khoa			
4	CKI304	Trần Thị Thu	Ngân	14/6/1990	Dược lý - DLS			
5	CKI305	Hứa Thị	Ngân	26/03/1986	Xét nghiệm y học			
6	CKI306	Trịnh Thị	Ngân	21/08/1971	Điều dưỡng			
7	CKI307	Hoàng Đức	Nghi	6/8/1987	Tai mũi họng			
8	CKI308	Nguyễn Văn	Nghĩa	21/05/1991	Tai mũi họng			
9	CKI309	Nguyễn Văn	Nghĩa	11/01/1989	Răng hàm mặt			
10	CKI310	Vi Tuấn	Nghĩa	31/07/1984	Gây mê hồi sức			
11	CKI311	Trần Thị Lan	Ngọc	23/12/1990	Sản phụ khoa			
12	CKI312	Nguyễn Thị	Ngọc	04/8/1995	Dược lý - DLS			
13	CKI313	Ngô Quang	Nguyên	25/7/1993	Xét nghiệm y học			
14	CKI314	Hoàng Văn	Nguyên	29/08/1987	Ngoại khoa			
15	CKI315	Lương Thị Ánh	Nguyệt	06/08/1989	Sản phụ khoa			
16	CKI316	Triệu Thị	Nhinh	15/6/1994	Xét nghiệm y học			
17	CKI317	Nguyễn Thị Thanh	Nhuân	05/05/1984	Xét nghiệm y học			
18	CKI318	Trần Thị Hồng	Nhung	9/10/1990	Răng hàm mặt			
19	CKI319	Nguyễn Thị	Nhung	24/4/1992	Nội khoa			
20	CKI320	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/08/1981	Nội khoa			
21	CKI321	Nguyễn Thị	Nhường	06/02/1994	Xét nghiệm y học			
22	CKI322	Hà Ngọc	Niên	18/10/1988	Da liễu			
23	CKI323	Hoàng Văn	Núi	20/05/1986	Y tế công cộng			
24	CKI324	Cà Văn	Phát	18/03/1991	Nhi khoa			
25	CKI325	Tạ Quốc	Phong	17/08/1979	Gây mê hồi sức			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 14

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI326	Đoàn Minh	Phú	12/8/1978	CĐHA			
2	CKI327	Tiến Thị	Phương	03/09/1989	Nhi khoa			
3	CKI328	Nguyễn Thị	Phương	18/05/1989	Nhi khoa			
4	CKI329	Đỗ Viết	Phương	05/12/1981	Tai mũi họng			
5	CKI330	Phan Minh	Phương	29/4/1994	Nội khoa			
6	CKI331	Lò Thị Lan	Phương	21/2/1988	Nội khoa			
7	CKI332	Lênh Văn	Phương	24/8/1976	Nhãn khoa			
8	CKI333	Vũ Thị	Phương	30/10/1983	Dược lý - DLS			
9	CKI334	Trần Thị Minh	Phương	23/5/1989	Điều dưỡng			
10	CKI335	Phan Thị	Phương	20/10/1983	Điều dưỡng			
11	CKI336	Hoàng Thị Minh	Phương	27/09/1983	Xét nghiệm y học			
12	CKI337	Đỗ Thị	Phượng	26/1/1990	Nội khoa			
13	CKI338	Giáp Thị	Phượng	09/11/1977	Nội khoa			
14	CKI339	Trần Thị	Phượng	26/11/1987	Nhãn khoa			
15	CKI340	Nông Thị	Phượng	01/10/1985	Dược lý - DLS			
16	CKI341	Phạm Thị Kim	Phượng	07/07/1990	Gây mê hồi sức			
17	CKI342	Nguyễn Hồng	Quân	03/8/1991	CĐHA			
18	CKI343	Triệu Thành	Quân	08/05/1988	Gây mê hồi sức			
19	CKI344	Phạm Văn	Quang	20/06/1991	Sân phụ khoa			
20	CKI345	Nhâm Văn	Quang	24/09/1984	Nhi khoa			
21	CKI346	Nguyễn Thanh	Quang	21/8/1988	Tai mũi họng			
22	CKI347	Hà Thị	Quế	17/11/1981	Nội khoa			
23	CKI348	Nguyễn Văn	Quốc	02/10/1985	Dược lý - DLS			
24	CKI349	Vũ Thị	Quy	10/3/1993	Tâm thần			
25	CKI350	Hoàng Văn	Quý	04/1/1986	Nội khoa			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 15

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI351	Nguyễn Văn	Quý	09/10/1993	Dược lý - DLS			
2	CKI352	Hoàng Thị	Quyên	10/1/1989	Nội khoa			
3	CKI353	Đặng Thị	Quyên	05/10/1993	Xét nghiệm y học			
4	CKI354	Hoàng Duy	Quyết	17/5/1990	CĐHA			
5	CKI355	Nguyễn Thị	Quỳnh	10/08/1987	Nhi khoa			
6	CKI356	Nguyễn Hồng	Quỳnh	13/09/1983	Răng hàm mặt			
7	CKI357	Hoàng Thị	Quỳnh	01/2/1987	Nhãn khoa			
8	CKI358	Phạm Thanh	Quỳnh	27/10/1986	Da liễu			
9	CKI359	Nguyễn Thị	Sấm	29/10/1989	Sản phụ khoa			
10	CKI360	Nguyễn Tấn	Sang	28/8/1989	Phục hồi chức năng			
11	CKI361	Đỗ Thị Hương	Sen	03/11/1981	Da liễu			
12	CKI362	Nguyễn Ánh	Siêu	30/10/1975	CĐHA			
13	CKI363	Nguyễn Hữu	Sinh	14/01/1978	Ngoại khoa			
14	CKI364	Vũ Thị	Sinh	17/9/1993	Điều dưỡng			
15	CKI365	Hoàng Thị	Soan	20/6/1989	Nhi khoa			
16	CKI366	Hoàng Mai	Sơn	04/11/1973	Lao			
17	CKI367	Lê Ngọc	Sơn	10/3/1987	Nhãn khoa			
18	CKI368	Hà Thanh	Sơn	19/05/1988	Y tế công cộng			
19	CKI369	Bùi Xuân	Sơn	02/12/1986	Xét nghiệm y học			
20	CKI370	Quách Hồng	Sỹ	03/07/1970	Y tế công cộng			
21	CKI371	Nguyễn Văn	Tài	29/09/1982	Răng hàm mặt			
22	CKI372	Nguyễn Chí	Tài	12/6/1986	Dược lý - DLS			
23	CKI373	Lưu Thị	Tâm	18/12/1994	Nội khoa			
24	CKI374	Nguyễn Thị	Tâm	19/11/1989	Dược lý - DLS			
25	CKI375	Ngô Thanh	Tâm	27/01/1991	Phục hồi chức năng			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 16

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI376	Lê Minh	Tâm	04/10/1985	Xét nghiệm y học			
2	CKI377	Mã Văn	Tân	18/09/1991	Nhi khoa			
3	CKI378	Lương Văn	Thà	31/3/1985	Điều dưỡng			
4	CKI379	Hà Thanh	Thái	22/12/1981	Nội khoa			
5	CKI380	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	21/2/1979	Nội khoa			
6	CKI381	Dương Thị	Thắm	03/02/1988	CĐHA			
7	CKI382	Đinh Công	Thân	24/06/1984	Sản phụ khoa			
8	CKI383	Cao Văn	Thắng	10/12/1983	Răng hàm mặt			
9	CKI384	Nông Văn	Thắng	10/10/1978	Ngoại khoa			
10	CKI385	Phan Tất	Thắng	27/09/1980	Phục hồi chức năng			
11	CKI386	Hồ Trọng	Thanh	13/6/1990	Tai mũi họng			
12	CKI387	Trần Thị Hồng	Thanh	18/10/1977	Răng hàm mặt			
13	CKI388	Tô Thị	Thanh	09/10/1973	Y tế công cộng			
14	CKI389	Hà Thị	Thanh	04/10/1985	Y tế công cộng			
15	CKI390	Khuất Duy	Thành	01/06/1977	Tai mũi họng			
16	CKI391	Đàm Trung	Thành	30/7/1993	Nội khoa			
17	CKI392	Nguyễn Văn	Thành	13/12/1988	Da liễu			
18	CKI393	Lò Thị	Thảo	09/01/1982	Sản phụ khoa			
19	CKI394	Nguyễn Thị	Thảo	04/10/1992	Dược lý - DLS			
20	CKI395	Phạm Phương	Thảo	02/11/1983	Dược lý - DLS			
21	CKI396	Nguyễn Văn	Thảo	20/03/1969	Y tế công cộng			
22	CKI397	Đỗ Thị	Thảo	12/08/1975	Y học gia đình			
23	CKI398	Nông Trọng	Thiêm	24/10/1987	Dược lý - DLS			
24	CKI399	Triệu Đức	Thiệp	08/10/1989	Nội khoa			
25	CKI400	Đàm Hương	Thiết	16/8/1978	Nội khoa			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 17

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI401	Nguyễn Đức Thịnh	07/04/1978	Tai mũi họng			
2	CKI402	Nguyễn Văn Thịnh	28/9/1987	CĐHA			
3	CKI403	Lê Xuân Thịnh	26/08/1981	Xét nghiệm y học			
4	CKI404	Vũ Xuân Thọ	03/01/1981	Tai mũi họng			
5	CKI405	Vì Thị Thoa	10/7/1985	Nội khoa			
6	CKI406	Nguyễn Trường Thông	12/8/1991	Y tế công cộng			
7	CKI407	Nguyễn Đức Thông	17/09/1900	Gây mê hồi sức			
8	CKI408	Đặng Vĩnh Thông	10/05/1988	Phục hồi chức năng			
9	CKI409	Triệu Văn Thu	24/10/1966	Nội khoa			
10	CKI410	Nguyễn Minh Thu	21/11/1990	Nội khoa			
11	CKI411	Tạ Hoài Thu	23/11/1989	Dược lý - DLS			
12	CKI412	Nguyễn Văn Thụ	17/9/1974	Nội khoa			
13	CKI413	Hoàng Thị Thục	09/09/1988	Xét nghiệm y học			
14	CKI414	Mạc Mai Thương	16/12/1991	Nhi khoa			
15	CKI415	Nguyễn Huyền Thương	16/06/1984	Tai mũi họng			
16	CKI416	Nguy Thị Thương	20/8/1976	Nội khoa			
17	CKI417	Nguyễn Thị Thanh Thủy	11/12/1977	Nội khoa			
18	CKI418	Nguyễn Diệu Thúy	19/07/1984	Tai mũi họng			
19	CKI419	Nguyễn Thị Thúy	12/11/1984	Xét nghiệm y học			
20	CKI420	Nguyễn Danh Thúy	10/10/1980	Xét nghiệm y học			
21	CKI421	Lưu Thị Thùy	08/07/1983	Xét nghiệm y học			
22	CKI422	Vũ Thanh Thùy	01/03/1986	Tai mũi họng			
23	CKI423	Nguyễn Thị Bích Thùy	14/10/1991	Nội khoa			
24	CKI424	Nguyễn Bích Thùy	03/3/1992	Tâm thần			
25	CKI425	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	16/10/1982	Tâm thần			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:.....

Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 18

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI426	Hứa Thị	Thủy	03/6/1987	Tâm thần		
2	CKI427	Phạm Thị Thanh	Thủy	22/8/1993	CĐHA		
3	CKI428	Võ Thị	Thủy	30/5/1982	CĐHA		
4	CKI429	Trần Văn	Thủy	07/10/1971	CĐHA		
5	CKI430	Võ Bích	Thủy	04/11/1987	Dược lý - DLS		
6	CKI431	Nguyễn Thị	Thủy	13/9/1989	Dược lý - DLS		
7	CKI432	Vũ Thị Ngọc	Thủy	03/05/1971	Điều dưỡng		
8	CKI433	Ngô Thị Thanh	Thủy	18/05/1981	Điều dưỡng		
9	CKI434	Nguyễn Văn	Thủy	20/01/1989	Xét nghiệm y học		
10	CKI435	Nguyễn Ngọc	Thủy	20/02/1982	Xét nghiệm y học		
11	CKI436	Đỗ Văn	Thủy	22/01/1988	Tai mũi họng		
12	CKI437	Nguyễn Kim	Tiến	11/7/1989	Da liễu		
13	CKI438	Ngọc Minh	Tiến	20/6/1986	Dược lý - DLS		
14	CKI439	Nguyễn Anh	Tiến	24/08/1983	Phục hồi chức năng		
15	CKI440	Nông Đức	Tiến	22/09/1978	Y tế công cộng		
16	CKI441	Đinh Trung	Tính	02/4/1987	Nội khoa		
17	CKI442	Chúc Văn	Tô	19/10/1975	Nhãn khoa		
18	CKI443	Nguyễn Văn	Toàn	01/5/1987	CĐHA		
19	CKI444	Hoàng Lâm	Tới	17/05/1991	Nhãn khoa		
20	CKI445	Trương Thị	Tới	24/10/1989	Dược lý - DLS		
21	CKI446	Nông Thị Hương	Trà	04/3/1987	Nội khoa		
22	CKI447	Vũ Thị	Trang	06/10/1985	Sản phụ khoa		
23	CKI448	Vũ Quỳnh	Trang	22/06/1988	Sản phụ khoa		
24	CKI449	Trịnh Thị	Trang	26/10/1989	CĐHA		
25	CKI450	Dương Thị	Trang	03/01/1989	Dược lý - DLS		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐHY - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 19

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI451	Nguyễn Thị Trang	19/10/1995	Dược lý - DLS			
2	CKI452	Nguyễn Thị Đoan	11/10/1990	Phục hồi chức năng			
3	CKI453	Đàm Quyết Trí	10/9/1992	Phục hồi chức năng			
4	CKI454	Nguyễn Thị Trinh	01/8/1987	CDHA			
5	CKI455	Phạm Minh Trọng	28/05/1977	Sản phụ khoa			
6	CKI456	Lò Văn Trung	04/01/1981	Sản phụ khoa			
7	CKI457	Tạ Thành Trung	22/06/1981	Răng hàm mặt			
8	CKI458	Trần Tuấn	04/03/1980	Y tế công cộng			
9	CKI459	Nguyễn Thành Trung	17/10/1982	Y tế công cộng			
10	CKI460	Trần Xuân Trường	01/05/1975	Tai mũi họng			
11	CKI461	Trịnh Xuân Trường	23/5/1982	Tâm thần			
12	CKI462	Trịnh Xuân Trường	10/6/1986	Điều dưỡng			
13	CKI463	Nguyễn Văn Tự	12/02/1991	Phục hồi chức năng			
14	CKI464	Trần Mạnh Tuấn	08/08/1978	Tai mũi họng			
15	CKI465	Lê Tuấn	15/8/1980	Nội khoa			
16	CKI466	Đào Thanh Tuấn	19/08/1990	Tai mũi họng			
17	CKI467	Nguyễn Thanh Tuấn	09/06/1986	Tai mũi họng			
18	CKI468	Bùi Thế Tuấn	28/02/1975	Răng hàm mặt			
19	CKI469	Phan Văn Tuấn	01/3/1978	Nội khoa			
20	CKI470	Nguyễn Anh Tuấn	16/12/1990	Nội khoa			
21	CKI471	Cao Mạnh Tuấn	26/11/1983	Ngoại khoa			
22	CKI472	Vũ Triệu Tuấn	17/10/1990	Da liễu			
23	CKI473	Nguyễn Ngọc Tuấn	28/8/1984	Tâm thần			
24	CKI474	Phạm Văn Tuấn	24/02/1989	Dược lý - DLS			
25	CKI475	Vũ Anh Tuấn	28/02/1983	Xét nghiệm y học			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - ĐƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐHY - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Được Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 20

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI476	Nguyễn Mạnh Tuấn	10/02/1983	Gây mê hồi sức			
2	CKI477	Lê Minh Tuấn	17/10/1974	Gây mê hồi sức			
3	CKI478	Nguyễn Anh Tuấn	28/9/1972	Phục hồi chức năng			
4	CKI479	Trần Quang Tuấn	11/12/1975	Y học cổ truyền			
5	CKI480	Nguyễn Văn Tuấn	15/12/1981	Phục hồi chức năng			
6	CKI481	Nguyễn Đình Tuệ	23/10/1979	Xét nghiệm y học			
7	CKI482	Vũ Thanh Tùng	15/02/1990	Sản phụ khoa			
8	CKI483	Dương Văn Tùng	29/09/1993	Sản phụ khoa			
9	CKI484	Lương Thanh Tùng	26/09/1980	Răng hàm mặt			
10	CKI485	Nguyễn Xuân Tùng	14/07/1969	Răng hàm mặt			
11	CKI486	Nguyễn Thanh Tùng	23/6/1980	Da liễu			
12	CKI487	Bùi Thanh Tùng	22/12/1980	CDHA			
13	CKI488	Hà Huy Tường	03/02/1986	Tai mũi họng			
14	CKI489	Bùi Thị Kim Tuyền	29/01/1990	Sản phụ khoa			
15	CKI490	Phạm Thị Kim Tuyền	12/03/1991	Nhi khoa			
16	CKI491	Nguyễn Thị Tuyền	14/10/1982	Nội khoa			
17	CKI492	Nguyễn Thị Tuyền	10/8/1972	Nội khoa			
18	CKI493	Đặng Minh Tuyền	25/4/1988	CDHA			
19	CKI494	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	01/12/1974	Xét nghiệm y học			
20	CKI495	Nguyễn Hồng Tuyết	17/4/1987	Phục hồi chức năng			
21	CKI496	Hà Thị Tuyết	27/02/1985	Phục hồi chức năng			
22	CKI497	Hoàng Văn Ứng	08/10/1981	Nội khoa			
23	CKI498	Hoàng Văn Út	29/11/1976	Lao			
24	CKI499	Vũ Thị Hân Uyên	16/02/1986	Tai mũi họng			
25	CKI500	Vũ Thị Hân Uyên	16/02/1986	Tai mũi họng			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 21

MÔN THI: Chuyên ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI501	Nông Thị Lan	Uyên	02/02/1974	Y tế công cộng			
2	CKI502	Nguyễn Thị	Vân	26/11/1990	Sản phụ khoa			
3	CKI503	Hoàng Thị	Vân	27/01/1991	Sản phụ khoa			
4	CKI504	Nguyễn Thị	Vân	29/12/1976	Răng hàm mặt			
5	CKI505	Lã Thị	Vân	21/6/1985	Nội khoa			
6	CKI506	Đoàn Anh	Văn	15/03/1985	Răng hàm mặt			
7	CKI507	Nguyễn Thị	Việt	27/12/1984	Điều dưỡng			
8	CKI508	Nguyễn Đức	Vinh	20/10/1982	Nội khoa			
9	CKI509	Chu	Vinh	10/4/1975	Nội khoa			
10	CKI510	Nguyễn Văn	Vĩnh	13/11/1972	Phục hồi chức năng			
11	CKI511	Trần	Vũ	05/06/1990	Răng hàm mặt			
12	CKI512	Nguyễn Ngọc	Vũ	28/11/1993	Y học gia đình			
13	CKI513	Vũ Gia	Vụ	10/03/1978	Sản phụ khoa			
14	CKI514	Hoàng Văn	Vững	01/4/1979	Y tế công cộng			
15	CKI515	Nguyễn Thị	Vy	18/01/1985	Gây mê hồi sức			
16	CKI516	Hoàng Thị	Xuân	14/05/1984	Y tế công cộng			
17	CKI517	Nguyễn Thị	Yên	06/03/1981	Xét nghiệm y học			
18	CKI518	Nguyễn Hoàng	Yến	07/02/1990	Sản phụ khoa			
19	CKI519	Phạm Thị Hải	Yến	12/07/1990	Nhi khoa			
20	CKI520	Quàng Thị Hải	Yến	22/12/1990	Nhi khoa			
21	CKI521	Nguyễn Thị Minh	Yến	15/02/1987	Dược lý - DLS			
22	CKI522	Trần Thị Vân	Yến	20/11/1984	Dược lý - DLS			
23	CKI523	Lê Hải	Yến	27/09/1993	Xét nghiệm y học			
24	CKI524	Lê Thị Hải	Yến	20/9/1984	Phục hồi chức năng			
25	CKI525	Lò Huyền	Trang	21/01/1986	Răng hàm mặt			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐBH - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I
PHÒNG THI SỐ: 01 MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI01	Mạc Văn Ân	18/3/1987	Da liễu	Sinh lý			
2	CKI02	Nguyễn Thị Lan	28/05/1994	Nhi khoa	Sinh lý			
3	CKI03	Nguyễn Thị Trà	06/08/1991	Nhi khoa	Sinh lý			
4	CKI04	Nguyễn Tuấn	17/4/1988	Nội khoa	Sinh lý			
5	CKI05	Nguyễn Thị Vân	31/5/1993	Nội khoa	Sinh lý			
6	CKI06	Dương Thị Vân	04/12/1990	Nội khoa	Sinh lý			
7	CKI07	Nguyễn Ngọc	10/6/1976	CĐHA	Giải phẫu			
8	CKI08	Trần Việt	10/8/1984	CĐHA	Giải phẫu			
9	CKI09	Lương Văn	22/01/1984	CĐHA	Giải phẫu			
10	CKI10	Lê Tuấn	24/8/1982	Dược lý - DLS	Dược lý			
11	CKI11	Đinh Khắc Việt	30/5/1993	Dược lý - DLS	Dược lý			
12	CKI12	Tô Thị Vân	21/11/1993	Dược lý - DLS	Dược lý			
13	CKI13	Vũ Ngọc	22/10/1967	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
14	CKI14	Nguyễn Thị Hồng	11/02/1994	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
15	CKI15	Nguyễn Tuấn	19/11/1994	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
16	CKI16	Hoàng Thị Ngọc	19/8/1988	Nội khoa	Sinh lý			
17	CKI17	Nguyễn Thị	18/5/1991	Nội khoa	Sinh lý			
18	CKI18	Nguyễn Thị Hồng	05/8/1981	Nội khoa	Sinh lý			
19	CKI19	Nguyễn Khắc	04/4/1987	Nhãn khoa	Giải phẫu			
20	CKI20	Nguyễn Huy	07/8/1990	CĐHA	Giải phẫu			
21	CKI21	Phạm Văn	02/02/1988	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
22	CKI22	Trần Văn	27/11/1982	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
23	CKI23	Nông Thị	05/5/1984	Nội khoa	Sinh lý			
24	CKI24	Lý Thị	23/06/1990	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
25	CKI25	Phạm Hồng	15/12/1988	Phục hồi chức năng	Sinh lý			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 02

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI26	Hoàng Thị	Biển	17/05/1990	Sân phụ khoa	Giải phẫu		
2	CKI27	Trần Văn	Bình	10/03/1980	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
3	CKI28	Trần Thanh	Bình	05/10/1980	Da liễu	Sinh lý		
4	CKI29	Tô Thanh	Bình	17/8/1983	Dược lý - DLS	Dược lý		
5	CKI30	Tổng Thị	Bình	06/12/1994	Dược lý - DLS	Dược lý		
6	CKI31	Bùi Phương	Châm	21/10/1990	Dược lý - DLS	Dược lý		
7	CKI32	Nguyễn Văn	Châu	13/10/1985	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
8	CKI33	Vương Hà	Chi	13/08/1992	Tai mũi họng	Giải phẫu		
9	CKI34	Nguyễn Bách	Chiến	16/7/1991	CDHA	Giải phẫu		
10	CKI35	Phạm Văn	Chiến	08/07/1977	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
11	CKI36	Kiều Văn	Chiến	26/10/1980	Gây mê hồi sức	Sinh lý		
12	CKI37	Phạm Văn	Chinh	09/5/1979	CDHA	Giải phẫu		
13	CKI38	Lê Đình	Chinh	22/10/1992	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
14	CKI39	Nguyễn Thành	Chung	21/09/1987	Tai mũi họng	Giải phẫu		
15	CKI40	Lê Hồng	Chung	12/09/1990	Tai mũi họng	Giải phẫu		
16	CKI41	Hoàng Văn	Chung	19/01/1984	Tai mũi họng	Giải phẫu		
17	CKI42	Nguyễn Văn	Chung	09/6/1984	Tâm thần	Sinh lý		
18	CKI43	Hoàng Quang	Chuyên	10/7/1970	Y tế công cộng	Vi sinh		
19	CKI44	Bế Ích	Chuyên	17/09/1983	Y tế công cộng	Vi sinh		
20	CKI45	Văn Huy	Cơ	27/8/1974	CDHA	Giải phẫu		
21	CKI46	Nguyễn Văn	Công	03/05/1993	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
22	CKI47	Đinh Kim	Cúc	15/9/1978	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
23	CKI48	Phạm Thị	Cúc	06/03/1983	Y tế công cộng	Vi sinh		
24	CKI49	Lê Thành	Cương	13/6/1966	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
25	CKI50	Nguyễn Văn	Cường	24/08/1984	Nhi khoa	Sinh lý		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 03

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI51	Trần Văn Cường	08/05/1984	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
2	CKI52	Dương Mạnh Cường	25/02/1981	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
3	CKI53	Nguyễn Mạnh Cường	21/07/1991	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
4	CKI54	Trương Việt Cường	08/12/1991	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
5	CKI55	Phạm Văn Cường	20/10/1984	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
6	CKI56	Lê Chí Cường	23/12/1975	Nội khoa	Sinh lý			
7	CKI57	Mai Hồng Cường	03/7/1987	Ngoại khoa	Giải phẫu			
8	CKI58	Nguyễn Đức Cường	13/6/1985	Da liễu	Sinh lý			
9	CKI59	Nguyễn Huy Cường	02/5/1991	CĐHA	Giải phẫu			
10	CKI60	Trần Việt Cường	02/6/1988	Dược lý - DLS	Dược lý			
11	CKI61	Dương Tuấn Cường	26/01/1991	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
12	CKI62	Lò Văn Đại	10/11/1991	Tai mũi họng	Giải phẫu			
13	CKI63	Phạm Xuân Đại	17/01/1981	Da liễu	Sinh lý			
14	CKI64	Phạm Ngọc Đam	29/04/1992	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
15	CKI65	Nguyễn Hoàng Đăng	19/08/1989	Nội khoa	Sinh lý			
16	CKI66	Nguyễn Văn Đạt	14/7/1990	Ngoại khoa	Giải phẫu			
17	CKI67	Đặng Minh Diễm	20/9/1985	Da liễu	Sinh lý			
18	CKI68	Trương Quốc Diệp	07/8/1964	Da liễu	Sinh lý			
19	CKI69	Nguyễn Thị Diệp	20/3/1993	Dược lý - DLS	Dược lý			
20	CKI70	Bùi Trung Diệp	28/6/1988	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
21	CKI71	Nguyễn Trọng Diệp	29/03/1975	Y học gia đình	Sinh lý			
22	CKI72	Nguyễn Bá Đình	21/07/1974	Nội khoa	Sinh lý			
23	CKI73	Sùng Chính Đình	18/11/1989	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
24	CKI74	Nguyễn Quang Định	01/07/1984	Lao	Sinh lý			
25	CKI75	Lê Công Định	30/11/1984	Nội khoa	Sinh lý			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 04

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI76	Văn Thị Dịu	28/09/1986	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
2	CKI77	Nguyễn Thu Dịu	21/11/1986	Y tế công cộng	Vi sinh			
3	CKI78	Nguyễn Thành Đồng	13/12/1972	Nội khoa	Sinh lý			
4	CKI79	Nguyễn Mạnh Đồng	24/5/1973	Nội khoa	Sinh lý			
5	CKI80	Lý Thị Đức	06/02/1989	Nhi khoa	Sinh lý			
6	CKI81	Trần Việt Đức	06/11/1988	CĐHA	Giải phẫu			
7	CKI82	Chu Phương Đức	13/10/1987	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
8	CKI83	Trần Anh Đức	15/10/1988	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
9	CKI84	Hoàng Minh Đức	14/01/1989	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
10	CKI85	Nguyễn Anh Đức	04/02/1983	Y học gia đình	Sinh lý			
11	CKI86	Nguyễn Mạnh Đức	06/04/1975	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
12	CKI87	Nguyễn Phương Dung	13/10/1991	Tai mũi họng	Giải phẫu			
13	CKI88	Đỗ Thị Thanh Dung	13/11/1983	Dược lý - DLS	Dược lý			
14	CKI89	Nguyễn Thị Kim Dung	05/3/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
15	CKI90	Tạ Thùy Dung	24/12/1991	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
16	CKI91	Nguyễn Thị Dung	24/3/1988	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
17	CKI92	Trần Tiến Dũng	10/12/1983	Tai mũi họng	Giải phẫu			
18	CKI93	Trần Đức Dũng	18/08/1979	Tai mũi họng	Giải phẫu			
19	CKI94	Nguyễn Tiến Dũng	17/11/1978	Nội khoa	Sinh lý			
20	CKI95	Đoàn Mạnh Dũng	24/10/1992	Nội khoa	Sinh lý			
21	CKI96	Nguyễn Ngọc Dũng	12/2/1977	Nội khoa	Sinh lý			
22	CKI97	Nguyễn Tiến Dũng	28/4/1993	Nội khoa	Sinh lý			
23	CKI98	Đặng Quang Dũng	19/8/1983	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
24	CKI99	Lê Vũ Dương	30/5/1990	Ngoại khoa	Giải phẫu			
25	CKI100	Nguyễn Văn Dương	04/10/1982	CĐHA	Giải phẫu			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 05

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI101	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23/9/1983	CDHA	Giải phẫu		
2	CKI102	Nông Văn	Dương	23/08/1976	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
3	CKI103	Đặng Đức	Dương	22/09/1978	Gây mê hồi sức	Sinh lý		
4	CKI104	Bùi Văn	Duy	10/08/1972	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
5	CKI105	Hà Thế	Duy	24/10/1995	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
6	CKI106	Nguyễn Văn	Duy	19/12/1981	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
7	CKI107	Đỗ Thị Thắm	Duyên	17/4/1990	Tai mũi họng	Giải phẫu		
8	CKI108	Lương Thị	Duyên	20/11/1980	CDHA	Giải phẫu		
9	CKI109	Hoàng Hà	Gấm	19/07/1992	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
10	CKI110	Triệu Thị Hương	Giang	7/11/1991	Nội khoa	Sinh lý		
11	CKI111	Nguyễn Thị Thu	Giang	25/9/1986	Dược lý - DLS	Dược lý		
12	CKI112	Nguyễn Hương	Giang	09/04/1994	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
13	CKI113	Lê Xuân	Giang	15/10/1982	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
14	CKI114	Phạm Huy	Hà	15/03/1990	Tai mũi họng	Giải phẫu		
15	CKI115	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/4/1993	Nội khoa	Sinh lý		
16	CKI116	Đinh Thị	Hà	02/8/1983	Dược lý - DLS	Dược lý		
17	CKI117	Chu Thị Thu	Hà	21/11/1992	Y tế công cộng	Vi sinh		
18	CKI118	Trần Thị	Hà	05/11/1986	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
19	CKI119	Nguyễn Thị Minh	Hà	20/09/1988	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
20	CKI120	Lê Thị Thu	Hà	27/07/1996	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
21	CKI121	Nguyễn Văn	Hải	24/11/1976	Tâm thần	Sinh lý		
22	CKI122	Trần Thị	Hải	10/11/1988	Dược lý - DLS	Dược lý		
23	CKI123	Nguyễn Thị Thanh	Hải	10/08/1991	Tai mũi họng	Giải phẫu		
24	CKI124	Lê Thị	Hải	14/05/1987	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
25	CKI125	Lương Mạnh	Hải	08/9/1987	Nội khoa	Sinh lý		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐHY - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 06

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI126	Hoàng Thanh	Hải	20/8/1991	Gây mê hồi sức	Sinh lý		
2	CKI127	Trần Văn	Hân	19/08/1989	Tai mũi họng	Giải phẫu		
3	CKI128	Tạ Lê	Hằng	19/04/1991	Tai mũi họng	Giải phẫu		
4	CKI129	Nguyễn Thị	Hằng	28/04/1976	Tai mũi họng	Giải phẫu		
5	CKI130	Hoàng Thị Thu	Hằng	28/12/1979	Tâm thần	Sinh lý		
6	CKI131	Đỗ Thị Thu	Hằng	25/07/1987	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
7	CKI132	Nguyễn Duy	Hạnh	18/9/1973	Nội khoa	Sinh lý		
8	CKI133	Trần Thế	Hạnh	10/10/1972	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
9	CKI134	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	03/9/1976	Nội khoa	Sinh lý		
10	CKI135	Bùi Thị	Hạnh	23/11/1981	Nội khoa	Sinh lý		
11	CKI136	Ong Thị Bích	Hạnh	15/02/1993	Dược lý - DLS	Dược lý		
12	CKI137	Ngô Thị	Hạnh	02/8/1986	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
13	CKI138	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	15/09/1997	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
14	CKI139	Trần Thị Bích	Hạnh	10/8/1983	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
15	CKI140	Trần Thế	Hào	28/7/1977	Nội khoa	Sinh lý		
16	CKI141	Lê Thị	Hào	01/3/1987	CDHA	Giải phẫu		
17	CKI142	Vũ Bá	Hậu	25/11/1984	Tâm thần	Sinh lý		
18	CKI143	Ma Thị	Hiên	03/11/1991	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
19	CKI144	Nguyễn Thị Thu	Hiên	14/8/1981	Tâm thần	Sinh lý		
20	CKI145	Lê Thu	Hiên	6/11/1978	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
21	CKI146	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	15/02/1989	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
22	CKI147	Phùng Thị	Hiên	08/5/1983	Tâm thần	Sinh lý		
23	CKI148	Đàm Thị Thu	Hiên	04/02/1988	Tâm thần	Sinh lý		
24	CKI149	Bùi Thị	Hiên	22/7/1992	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
25	CKI150	Nguyễn Thị	Hiên	26/08/1982	Xét nghiệm y học	Sinh lý		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 07

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI151	Nguyễn Thu	Hiền	19/02/1983	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
2	CKI152	Trương Thị Thu	Hiền	27/4/1993	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
3	CKI153	Tạ Đức	Hiền	03/10/1987	Nội khoa	Sinh lý			
4	CKI154	Bùi Quốc	Hiền	01/10/1986	Tâm thần	Sinh lý			
5	CKI155	Nguyễn Công	Hiếu	20/11/1981	Nhi khoa	Sinh lý			
6	CKI156	Lý Trung	Hiếu	24/3/1990	Ngoại khoa	Giải phẫu			
7	CKI157	Vũ Thị Tâm	Hiếu	04/05/1983	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
8	CKI158	Nguyễn Văn	Hiếu	12/08/1979	Y học cổ truyền	Sinh lý			
9	CKI159	Hoàng Văn	Hình	08/05/1988	Y tế công cộng	Vi sinh			
10	CKI160	Đàm Thị	Hoa	14/06/1984	Tai mũi họng	Giải phẫu			
11	CKI161	Hoàng Thùy	Hoa	17/11/1986	Nội khoa	Sinh lý			
12	CKI162	Đinh Thị	Hoa	02/9/1989	Nhãn khoa	Giải phẫu			
13	CKI163	Lưu Thanh	Hoa	19/10/1997	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
14	CKI164	Nguyễn Xuân	Hoa	25/02/1989	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
15	CKI165	Dương Thị	Hoà	01/2/1989	Nội khoa	Sinh lý			
16	CKI166	Bùi Việt	Hoà	15/11/1976	Nội khoa	Sinh lý			
17	CKI167	Trần Thanh	Hoà	25/7/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
18	CKI168	Nguyễn Thị	Hoà	06/06/1990	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
19	CKI169	Nguyễn Văn	Hòa	02/11/1979	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
20	CKI170	Hùng Thị Thu	Hòa	27/12/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
21	CKI171	Nguyễn Thị Đan	Hoài	29/07/1984	Nhãn khoa	Giải phẫu			
22	CKI172	Vì Thanh	Hoài	15/01/1989	Dược lý - DLS	Dược lý			
23	CKI173	Phạm Xuân	Hoan	22/04/1982	Tai mũi họng	Giải phẫu			
24	CKI174	Lù Thị	Hoan	19/02/1975	Dược lý - DLS	Dược lý			
25	CKI175	Trần Thị	Hoàn	19/07/1986	Nhi khoa	Sinh lý			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐBĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 08

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI176	Nguyễn Thị Xuân	24/10/1983	Nhân khoa	Giải phẫu			
2	CKI177	Châu Huy	06/11/1989	Da liễu	Sinh lý			
3	CKI178	Nguyễn Thị Hương	17/10/1995	Nội khoa	Sinh lý			
4	CKI179	Lê Văn	11/02/1983	Y tế công cộng	Vi sinh			
5	CKI180	Lò Văn	10/10/1982	Nội khoa	Sinh lý			
6	CKI181	Hoàng Thị	05/11/1984	Tai mũi họng	Giải phẫu			
7	CKI182	Trần Thị	09/01/1982	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
8	CKI183	Lê Thị	14/05/1987	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
9	CKI184	Vũ Thị Thanh	20/7/1978	Nội khoa	Sinh lý			
10	CKI185	Nông Thị	24/10/1989	Da liễu	Sinh lý			
11	CKI186	Chu Thị	23/10/1993	Dược lý - DLS	Dược lý			
12	CKI187	Đoàn Thị	18/12/1990	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
13	CKI188	Tạ Thị Thu	12/03/1979	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
14	CKI189	Nguyễn Văn	15/10/1978	Nhân khoa	Giải phẫu			
15	CKI190	Nguyễn Văn	08/2/1980	Ngoại khoa	Giải phẫu			
16	CKI191	Nguyễn Thị	01/10/1990	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
17	CKI192	Nguyễn Thị	12/9/1985	Da liễu	Sinh lý			
18	CKI193	Ngô Thị	21/01/1991	Y học gia đình	Sinh lý			
19	CKI194	Lê Thị Minh	24/11/1975	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
20	CKI195	Phan Việt	06/08/1968	Tai mũi họng	Giải phẫu			
21	CKI196	Nguyễn Văn	25/10/1987	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
22	CKI197	Nguyễn Hải	14/08/1983	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
23	CKI198	Nguyễn Văn	25/10/1987	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
24	CKI199	Đào Duy	20/8/1980	CDHA	Giải phẫu			
25	CKI200	Đỗ Đức	24/12/1969	CDHA	Giải phẫu			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 09

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI201	Quách Văn Hùng	24/3/1991	CĐHA	Giải phẫu			
2	CKI202	Phạm Hữu Hùng	16/3/1985	CĐHA	Giải phẫu			
3	CKI203	Hà Mạnh Hưng	26/08/1986	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
4	CKI204	Hứa Quốc Hưng	01/11/1989	Nội khoa	Sinh lý			
5	CKI205	Trần Duy Hưng	20/10/1986	Nội khoa	Sinh lý			
6	CKI206	Đoàn Văn Hùng	07/10/1981	CĐHA	Giải phẫu			
7	CKI207	Nguyễn Đăng Hưng	21/05/1989	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
8	CKI208	Đỗ Thị Thanh Hương	17/11/1975	Nội khoa	Sinh lý			
9	CKI209	Nguyễn Thị Việt Hương	02/10/1981	Dược lý - DLS	Dược lý			
10	CKI210	Phạm Thị Hương	22/12/1984	Dược lý - DLS	Dược lý			
11	CKI211	Nguyễn Thị Hương	07/01/1990	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
12	CKI212	Phan Thị Thu Hương	19/05/1984	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
13	CKI213	Nguyễn Thị Thanh Hương	23/06/1975	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
14	CKI214	Nguyễn Thị Hương	28/09/1982	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
15	CKI215	Nguyễn Thu Hường	15/5/1982	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
16	CKI216	Hoàng Thị Kim Hường	09/9/1981	Nội khoa	Sinh lý			
17	CKI217	Nguyễn Thị Hường	12/8/1972	CĐHA	Giải phẫu			
18	CKI218	Nguyễn Thị Hường	15/07/1986	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
19	CKI219	Đào Thị Hường	13/10/1991	Nội khoa	Sinh lý			
20	CKI220	Thái Doãn Huy	10/09/1988	Tai mũi họng	Giải phẫu			
21	CKI221	Dương Quốc Huy	31/08/1979	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
22	CKI222	Phạm Thị Huy	05/12/1982	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
23	CKI223	Nguyễn Quốc Huy	20/6/1989	Ngoại khoa	Giải phẫu			
24	CKI224	Phạm Quang Huy	22/11/1982	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
25	CKI225	Dương Thị Huyền	22/02/1980	Dược lý - DLS	Dược lý			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 10

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI226	Đinh Ngọc	Huyền	09/11/1991	Nội khoa	Sinh lý		
2	CKI227	Hoàng Thị	Huyền	06/12/1975	Nội khoa	Sinh lý		
3	CKI228	Hoàng Thị	Huyền	20/4/1977	Nội khoa	Sinh lý		
4	CKI229	Nguyễn Thị	Huyền	04/10/1991	Da liễu	Sinh lý		
5	CKI230	Tôn Thị	Huyền	03/8/1980	Dược lý - DLS	Dược lý		
6	CKI231	Nguyễn Thị	Huyền	01/12/1990	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
7	CKI232	Trần Thị Thanh	Huyền	22/04/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
8	CKI233	Phạm Thanh	Huyền	14/9/1990	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
9	CKI234	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	20/11/1990	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
10	CKI235	Hoàng Văn	Huỳnh	19/08/1992	Tai mũi họng	Giải phẫu		
11	CKI236	Triệu Thị	Khách	03/08/1989	Ung thư	Giải phẫu		
12	CKI237	Nguyễn Trí	Khang	22/02/1974	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
13	CKI238	Nguyễn Quốc	Khánh	03/9/1983	CĐHA	Giải phẫu		
14	CKI239	Võ Đại	Khánh	11/06/1977	Gây mê hồi sức	Sinh lý		
15	CKI240	Trần Đăng	Khoa	21/02/1985	Dược lý - DLS	Dược lý		
16	CKI241	Hoàng Văn	Khởi	10/10/1986	Tai mũi họng	Giải phẫu		
17	CKI242	Phạm Trung	Kiên	20/10/1981	Sân phụ khoa	Giải phẫu		
18	CKI243	Đồng Xuân	Kiên	08/3/1984	CĐHA	Giải phẫu		
19	CKI244	Vũ Ngọc	Kiên	17/01/1991	CĐHA	Giải phẫu		
20	CKI245	Đào Thanh	Kiều	12/02/1990	Da liễu	Sinh lý		
21	CKI246	Đinh Thị	Kiều	27/7/1987	Tâm thần	Sinh lý		
22	CKI247	Cao Thị	Kim	10/09/1993	Sân phụ khoa	Giải phẫu		
23	CKI248	Lý Thị	Kim	18/01/1990	Nhi khoa	Sinh lý		
24	CKI249	Nông Thị	Lạc	17/08/1984	Y tế công cộng	Vì sinh		
25	CKI250	Đặng Đình	Lâm	02/10/1986	Răng hàm mặt	Giải phẫu		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 11

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI251	Hà Ngọc	17/04/1977	Ngoại khoa	Giải phẫu			
2	CKI252	Phạm Văn	03/2/1982	CĐHA	Giải phẫu			
3	CKI253	Nông Thị	28/5/1990	Nhi khoa	Sinh lý			
4	CKI254	Phạm Thị	23/10/1983	Dược lý - DLS	Dược lý			
5	CKI255	Nguyễn Thị Hương	13/09/1986	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
6	CKI256	Nguyễn Thị	16/04/1990	Nhi khoa	Sinh lý			
7	CKI257	Nguyễn Văn	12/11/1977	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
8	CKI258	Hà Thị	20/9/1981	Nội khoa	Sinh lý			
9	CKI259	Nguyễn Thị	15/06/1989	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
10	CKI260	Đỗ Thị	22/03/1992	Y học gia đình	Sinh lý			
11	CKI261	Vũ Thị Mỹ	07/12/1992	Nội khoa	Sinh lý			
12	CKI262	Nguyễn Nhật	17/8/1991	Nhân khoa	Giải phẫu			
13	CKI263	Hà Thị Kim	21/5/1980	Nội khoa	Sinh lý			
14	CKI264	Nguyễn Thị	29/11/1979	Nội khoa	Sinh lý			
15	CKI265	Hoàng Quỳnh	23/1/1987	Nhân khoa	Giải phẫu			
16	CKI266	Mã Thị	16/02/1991	Da liễu	Sinh lý			
17	CKI267	Nguyễn Thị	28/3/1991	Da liễu	Sinh lý			
18	CKI268	Nguyễn Thị Kiều	22/05/1994	Nhi khoa	Sinh lý			
19	CKI269	Lê Thị	3/5/1992	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
20	CKI270	Đỗ Đức	28/10/1990	Tai mũi họng	Giải phẫu			
21	CKI271	Đinh Thị	28/8/1983	Y tế công cộng	Vĩ sinh			
22	CKI272	Nguyễn Hồng	08/05/1989	Tai mũi họng	Giải phẫu			
23	CKI273	Trương Minh	28/02/1989	Tai mũi họng	Giải phẫu			
24	CKI274	Dương Văn	02/03/1982	Tai mũi họng	Giải phẫu			
25	CKI275	Phạm Văn	16/06/1986	Răng hàm mặt	Giải phẫu			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 12

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI276	Nguyễn Thành Luân	14/3/1988	Dược lý - DLS	Dược lý			
2	CKI277	Phùng Văn Lực	11/11/1977	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
3	CKI278	Hoàng Thị Lựu	19/02/1983	Y tế công cộng	Vì sinh			
4	CKI279	Phạm Thị Luyến	18/07/1987	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
5	CKI280	Nguyễn Văn Luyến	25/12/1978	Nội khoa	Sinh lý			
6	CKI281	Nguyễn Phương Ly	15/08/1987	Tai mũi họng	Giải phẫu			
7	CKI282	Phạm Nguyễn Khánh Ly	22/12/1991	Da liễu	Sinh lý			
8	CKI283	Cao Xuân Lý	15/05/1989	Tai mũi họng	Giải phẫu			
9	CKI284	Lê Thị Mai	24/7/1977	Nội khoa	Sinh lý			
10	CKI285	Nguyễn Thị Thanh Mai	01/01/1984	CĐHA	Giải phẫu			
11	CKI286	Nguyễn Thị Mai	12/06/1974	Y tế công cộng	Vì sinh			
12	CKI287	Giảng A Mảng	20/11/1985	Tai mũi họng	Giải phẫu			
13	CKI288	Đỗ Văn Mạnh	30/10/1983	Nội khoa	Sinh lý			
14	CKI289	Đỗ Thành Mảo	28/3/1987	Nội khoa	Sinh lý			
15	CKI290	Hà Bình Minh	18/11/1989	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
16	CKI291	Vương Lê Na	28/08/1981	Tai mũi họng	Giải phẫu			
17	CKI292	Ma Thị Na	21/12/1993	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
18	CKI293	Nguyễn Phương Nam	29/01/1986	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
19	CKI294	Lê Hải Nam	01/2/1987	Ngoại khoa	Giải phẫu			
20	CKI295	Phạm Triệu Nam	14/7/1993	Da liễu	Sinh lý			
21	CKI296	Nguyễn Viết Nam	11/6/1977	CĐHA	Giải phẫu			
22	CKI297	Nguyễn Thanh Nam	02/11/1982	CĐHA	Giải phẫu			
23	CKI298	Nguyễn Vũ Nam	20/02/1982	Dược lý - DLS	Dược lý			
24	CKI299	Trịnh Thị Nga	01/05/1983	Nhi khoa	Sinh lý			
25	CKI300	Nguyễn Cảnh Nga	21/7/1982	Nội khoa	Sinh lý			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 13

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI301	Phan Thị Nga	02/9/1989	Tâm thần	Sinh lý			
2	CKI302	Hà Thu Nga	10/01/1990	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
3	CKI303	La Thị Ngọc	29/11/1992	Nhi khoa	Sinh lý			
4	CKI304	Trần Thị Thu Ngân	14/6/1990	Dược lý - DLS	Dược lý			
5	CKI305	Hứa Thị Ngân	26/03/1986	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
6	CKI306	Trịnh Thị Ngân	21/08/1971	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
7	CKI307	Hoàng Đức Nghi	6/8/1987	Tai mũi họng	Giải phẫu			
8	CKI308	Nguyễn Văn Nghĩ	21/05/1991	Tai mũi họng	Giải phẫu			
9	CKI309	Nguyễn Văn Nghĩ	11/01/1989	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
10	CKI310	Vì Tuấn Nghĩ	31/07/1984	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
11	CKI311	Trần Thị Lan Ngọc	23/12/1990	Sân phụ khoa	Giải phẫu			
12	CKI312	Nguyễn Thị Ngọc	04/8/1995	Dược lý - DLS	Dược lý			
13	CKI313	Ngô Quang Nguyên	25/7/1993	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
14	CKI314	Hoàng Văn Nguyên	29/08/1987	Ngoại khoa	Giải phẫu			
15	CKI315	Lương Thị Ánh Nguyệt	06/08/1989	Sân phụ khoa	Giải phẫu			
16	CKI316	Triệu Thị Ninh	15/6/1994	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
17	CKI317	Nguyễn Thị Thanh Nhuan	05/05/1984	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
18	CKI318	Trần Thị Hồng Nhung	9/10/1990	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
19	CKI319	Nguyễn Thị Nhung	24/4/1992	Nội khoa	Sinh lý			
20	CKI320	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/08/1981	Nội khoa	Sinh lý			
21	CKI321	Nguyễn Thị Nhung	06/02/1994	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
22	CKI322	Hà Ngọc Niên	18/10/1988	Da liễu	Sinh lý			
23	CKI323	Hoàng Văn Núi	20/05/1986	Y tế công cộng	Vi sinh			
24	CKI324	Cà Văn Phát	18/03/1991	Nhi khoa	Sinh lý			
25	CKI325	Tạ Quốc Phong	17/08/1979	Gây mê hồi sức	Sinh lý			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 14

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI326	Đoàn Minh	Phú	12/8/1978	CDHA	Giải phẫu			
2	CKI327	Tiến Thị	Phương	03/09/1989	Nhi khoa	Sinh lý			
3	CKI328	Nguyễn Thị	Phương	18/05/1989	Nhi khoa	Sinh lý			
4	CKI329	Đỗ Việt	Phương	05/12/1981	Tai mũi họng	Giải phẫu			
5	CKI330	Phan Minh	Phương	29/4/1994	Nội khoa	Sinh lý			
6	CKI331	Lò Thị Lan	Phương	21/2/1988	Nội khoa	Sinh lý			
7	CKI332	Lê Văn	Phương	24/8/1976	Nhãn khoa	Giải phẫu			
8	CKI333	Vũ Thị	Phương	30/10/1983	Dược lý - DLS	Dược lý			
9	CKI334	Trần Thị Minh	Phương	23/5/1989	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
10	CKI335	Phan Thị	Phương	20/10/1983	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
11	CKI336	Hoàng Thị Minh	Phương	27/09/1983	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
12	CKI337	Đỗ Thị	Phương	26/1/1990	Nội khoa	Sinh lý			
13	CKI338	Giáp Thị	Phương	09/11/1977	Nội khoa	Sinh lý			
14	CKI339	Trần Thị	Phương	26/11/1987	Nhãn khoa	Giải phẫu			
15	CKI340	Nông Thị	Phương	01/10/1985	Dược lý - DLS	Dược lý			
16	CKI341	Phạm Thị Kim	Phương	07/07/1990	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
17	CKI342	Nguyễn Hồng	Quân	03/8/1991	CDHA	Giải phẫu			
18	CKI343	Triệu Thành	Quân	08/05/1988	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
19	CKI344	Phạm Văn	Quang	20/06/1991	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
20	CKI345	Nhâm Văn	Quang	24/09/1984	Nhi khoa	Sinh lý			
21	CKI346	Nguyễn Thanh	Quang	21/8/1988	Tai mũi họng	Giải phẫu			
22	CKI347	Hà Thị	Quốc	17/11/1981	Nội khoa	Sinh lý			
23	CKI348	Nguyễn Văn	Quốc	02/10/1985	Dược lý - DLS	Dược lý			
24	CKI349	Vũ Thị	Quy	10/3/1993	Tâm thần	Sinh lý			
25	CKI350	Hoàng Văn	Quý	04/1/1986	Nội khoa	Sinh lý			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 15

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI351	Nguyễn Văn	Quý	09/10/1993	Dược lý - DLS	Dược lý		
2	CKI352	Hoàng Thị	Quyên	10/1/1989	Nội khoa	Sinh lý		
3	CKI353	Đặng Thị	Quyên	05/10/1993	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
4	CKI354	Hoàng Duy	Quyết	17/5/1990	CĐHA	Giải phẫu		
5	CKI355	Nguyễn Thị	Quỳnh	10/08/1987	Nhi khoa	Sinh lý		
6	CKI356	Nguyễn Hồng	Quỳnh	13/09/1983	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
7	CKI357	Hoàng Thị	Quỳnh	01/2/1987	Nhãn khoa	Giải phẫu		
8	CKI358	Phạm Thanh	Quỳnh	27/10/1986	Da liễu	Sinh lý		
9	CKI359	Nguyễn Thị	Sấm	29/10/1989	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
10	CKI360	Nguyễn Tấn	Sang	28/8/1989	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
11	CKI361	Đỗ Thị Hương	Sen	03/11/1981	Da liễu	Sinh lý		
12	CKI362	Nguyễn Ánh	Siêu	30/10/1975	CĐHA	Giải phẫu		
13	CKI363	Nguyễn Hữu	Sinh	14/01/1978	Ngoại khoa	Giải phẫu		
14	CKI364	Vũ Thị	Sinh	17/9/1993	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
15	CKI365	Hoàng Thị	Soan	20/6/1989	Nhi khoa	Sinh lý		
16	CKI366	Hoàng Mai	Son	04/11/1973	Lao	Sinh lý		
17	CKI367	Lê Ngọc	Son	10/3/1987	Nhãn khoa	Giải phẫu		
18	CKI368	Hà Thanh	Son	19/05/1988	Y tế công cộng	Vi sinh		
19	CKI369	Bùi Xuân	Son	02/12/1986	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
20	CKI370	Quách Hồng	Sỹ	03/07/1970	Y tế công cộng	Vi sinh		
21	CKI371	Nguyễn Văn	Tài	29/09/1982	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
22	CKI372	Nguyễn Chí	Tài	12/6/1986	Dược lý - DLS	Dược lý		
23	CKI373	Lưu Thị	Tâm	18/12/1994	Nội khoa	Sinh lý		
24	CKI374	Nguyễn Thị	Tâm	19/11/1989	Dược lý - DLS	Dược lý		
25	CKI375	Ngô Thanh	Tâm	27/01/1991	Phục hồi chức năng	Sinh lý		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐHY - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 16

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI376	Lê Minh	Tâm	04/10/1985	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
2	CKI377	Mã Văn	Tân	18/09/1991	Nhi khoa	Sinh lý		
3	CKI378	Lương Văn	Thà	31/3/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
4	CKI379	Hà Thanh	Thái	22/12/1981	Nội khoa	Sinh lý		
5	CKI380	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	21/2/1979	Nội khoa	Sinh lý		
6	CKI381	Dương Thị	Thắm	03/02/1988	CDHA	Giải phẫu		
7	CKI382	Đinh Công	Thân	24/06/1984	Sân phụ khoa	Giải phẫu		
8	CKI383	Cao Văn	Thắng	10/12/1983	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
9	CKI384	Nông Văn	Thắng	10/10/1978	Ngoại khoa	Giải phẫu		
10	CKI385	Phan Tất	Thắng	27/09/1980	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
11	CKI386	Hồ Trọng	Thanh	13/6/1990	Tai mũi họng	Giải phẫu		
12	CKI387	Trần Thị Hồng	Thanh	18/10/1977	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
13	CKI388	Tô Thị	Thanh	09/10/1973	Y tế công cộng	Vi sinh		
14	CKI389	Hà Thị	Thanh	04/10/1985	Y tế công cộng	Vi sinh		
15	CKI390	Khuất Duy	Thành	01/06/1977	Tai mũi họng	Giải phẫu		
16	CKI391	Đàm Trung	Thành	30/7/1993	Nội khoa	Sinh lý		
17	CKI392	Nguyễn Văn	Thành	13/12/1988	Da liễu	Sinh lý		
18	CKI393	Lò Thị	Thảo	09/01/1982	Sân phụ khoa	Giải phẫu		
19	CKI394	Nguyễn Thị	Thảo	04/10/1992	Dược lý - DLS	Dược lý		
20	CKI395	Phạm Phương	Thảo	02/11/1983	Dược lý - DLS	Dược lý		
21	CKI396	Nguyễn Văn	Thảo	20/03/1969	Y tế công cộng	Vi sinh		
22	CKI397	Đỗ Thị	Thảo	12/08/1975	Y học gia đình	Sinh lý		
23	CKI398	Nông Trọng	Thiểm	24/10/1987	Dược lý - DLS	Dược lý		
24	CKI399	Triệu Đức	Thiệp	08/10/1989	Nội khoa	Sinh lý		
25	CKI400	Đàm Hương	Thiết	16/8/1978	Nội khoa	Sinh lý		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 17

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI401	Nguyễn Đức	Thịnh	07/04/1978	Tai mũi họng	Giải phẫu		
2	CKI402	Nguyễn Văn	Thịnh	28/9/1987	CDHA	Giải phẫu		
3	CKI403	Lê Xuân	Thịnh	26/08/1981	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
4	CKI404	Vũ Xuân	Thọ	03/01/1981	Tai mũi họng	Giải phẫu		
5	CKI405	Vì Thị	Thoa	10/7/1985	Nội khoa	Sinh lý		
6	CKI406	Nguyễn Trường	Thông	12/8/1991	Y tế công cộng	Vi sinh		
7	CKI407	Nguyễn Đức	Thông	17/09/1900	Gây mê hồi sức	Sinh lý		
8	CKI408	Đặng Vĩnh	Thông	10/05/1988	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
9	CKI409	Triệu Văn	Thu	24/10/1966	Nội khoa	Sinh lý		
10	CKI410	Nguyễn Minh	Thu	21/11/1990	Nội khoa	Sinh lý		
11	CKI411	Tạ Hoài	Thu	23/11/1989	Dược lý - DLS	Dược lý		
12	CKI412	Nguyễn Văn	Thụ	17/9/1974	Nội khoa	Sinh lý		
13	CKI413	Hoàng Thị	Thục	09/09/1988	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
14	CKI414	Mạc Mai	Thương	16/12/1991	Nhi khoa	Sinh lý		
15	CKI415	Nguyễn Huyền	Thương	16/06/1984	Tai mũi họng	Giải phẫu		
16	CKI416	Nguy Thị	Thương	20/8/1976	Nội khoa	Sinh lý		
17	CKI417	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	11/12/1977	Nội khoa	Sinh lý		
18	CKI418	Nguyễn Diệu	Thúy	19/07/1984	Tai mũi họng	Giải phẫu		
19	CKI419	Nguyễn Thị	Thúy	12/11/1984	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
20	CKI420	Nguyễn Danh	Thúy	10/10/1980	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
21	CKI421	Lưu Thị	Thủy	08/07/1983	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
22	CKI422	Vũ Thanh	Thủy	01/03/1986	Tai mũi họng	Giải phẫu		
23	CKI423	Nguyễn Thị Bích	Thủy	14/10/1991	Nội khoa	Sinh lý		
24	CKI424	Nguyễn Bích	Thủy	03/3/1992	Tâm thần	Sinh lý		
25	CKI425	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	16/10/1982	Tâm thần	Sinh lý		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SĐH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên
Buổi thi:



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 18

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI426	Hứa Thị	Thùy	03/6/1987	Tâm thần	Sinh lý		
2	CKI427	Phạm Thị Thanh	Thùy	22/8/1993	CDHA	Giải phẫu		
3	CKI428	Võ Thị	Thùy	30/5/1982	CDHA	Giải phẫu		
4	CKI429	Trần Văn	Thùy	07/10/1971	CDHA	Giải phẫu		
5	CKI430	Võ Bích	Thùy	04/11/1987	Dược lý - DLS	Dược lý		
6	CKI431	Nguyễn Thị	Thùy	13/9/1989	Dược lý - DLS	Dược lý		
7	CKI432	Vũ Thị Ngọc	Thùy	03/05/1971	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
8	CKI433	Ngô Thị Thanh	Thùy	18/05/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
9	CKI434	Nguyễn Văn	Thùy	20/01/1989	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
10	CKI435	Nguyễn Ngọc	Thùy	20/02/1982	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
11	CKI436	Đỗ Văn	Thùy	22/01/1988	Tai mũi họng	Giải phẫu		
12	CKI437	Nguyễn Kim	Tiến	11/7/1989	Da liễu	Sinh lý		
13	CKI438	Ngọc Minh	Tiến	20/6/1986	Dược lý - DLS	Dược lý		
14	CKI439	Nguyễn Anh	Tiến	24/08/1983	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
15	CKI440	Nông Đức	Tiến	22/09/1978	Y tế công cộng	Vi sinh		
16	CKI441	Đình Trung	Tính	02/4/1987	Nội khoa	Sinh lý		
17	CKI442	Chúc Văn	Tô	19/10/1975	Nhãn khoa	Giải phẫu		
18	CKI443	Nguyễn Văn	Toàn	01/5/1987	CDHA	Giải phẫu		
19	CKI444	Hoàng Lâm	Tới	17/05/1991	Nhãn khoa	Giải phẫu		
20	CKI445	Trương Thị	Tới	24/10/1989	Dược lý - DLS	Dược lý		
21	CKI446	Nông Thị Hương	Trà	04/3/1987	Nội khoa	Sinh lý		
22	CKI447	Vũ Thị	Trang	06/10/1985	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
23	CKI448	Vũ Quỳnh	Trang	22/06/1988	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
24	CKI449	Trịnh Thị	Trang	26/10/1989	CDHA	Giải phẫu		
25	CKI450	Dương Thị	Trang	03/01/1989	Dược lý - DLS	Dược lý		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DUYỆC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 19

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Trang	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI451	Nguyễn Thị	Trang	19/10/1995	Dược lý - DLS	Dược lý			
2	CKI452	Nguyễn Thị Đoan	Trang	11/10/1990	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
3	CKI453	Đàm Quyết	Trí	10/9/1992	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
4	CKI454	Nguyễn Thị	Trình	01/8/1987	CDHA	Giải phẫu			
5	CKI455	Phạm Minh	Trọng	28/05/1977	Sân phụ khoa	Giải phẫu			
6	CKI456	Lò Văn	Trung	04/01/1981	Sân phụ khoa	Giải phẫu			
7	CKI457	Tạ Thành	Trung	22/06/1981	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
8	CKI458	Trần Tuấn	Trung	04/03/1980	Y tế công cộng	Vì sinh			
9	CKI459	Nguyễn Thành	Trung	17/10/1982	Y tế công cộng	Vì sinh			
10	CKI460	Trần Xuân	Trường	01/05/1975	Tai mũi họng	Giải phẫu			
11	CKI461	Trịnh Xuân	Trường	23/5/1982	Tâm thần	Sinh lý			
12	CKI462	Trịnh Xuân	Trường	10/6/1986	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản			
13	CKI463	Nguyễn Văn	Tự	12/02/1991	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
14	CKI464	Trần Mạnh	Tuấn	08/08/1978	Tai mũi họng	Giải phẫu			
15	CKI465	Lê	Tuấn	15/8/1980	Nội khoa	Sinh lý			
16	CKI466	Đào Thanh	Tuấn	19/08/1990	Tai mũi họng	Giải phẫu			
17	CKI467	Nguyễn Thanh	Tuấn	09/06/1986	Tai mũi họng	Giải phẫu			
18	CKI468	Bùi Thế	Tuấn	28/02/1975	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
19	CKI469	Phan Văn	Tuấn	01/3/1978	Nội khoa	Sinh lý			
20	CKI470	Nguyễn Anh	Tuấn	16/12/1990	Nội khoa	Sinh lý			
21	CKI471	Cao Mạnh	Tuấn	26/11/1983	Ngoại khoa	Giải phẫu			
22	CKI472	Vũ Triệu	Tuấn	17/10/1990	Da liễu	Sinh lý			
23	CKI473	Nguyễn Ngọc	Tuấn	28/8/1984	Tâm thần	Sinh lý			
24	CKI474	Phạm Văn	Tuấn	24/02/1989	Dược lý - DLS	Dược lý			
25	CKI475	Vũ Anh	Tuấn	28/02/1983	Xét nghiệm y học	Sinh lý			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS SDH - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 20

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI476	Nguyễn Mạnh Tuấn	10/02/1983	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
2	CKI477	Lê Minh Tuấn	17/10/1974	Gây mê hồi sức	Sinh lý			
3	CKI478	Nguyễn Anh Tuấn	28/9/1972	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
4	CKI479	Trần Quang Tuấn	11/12/1975	Y học cổ truyền	Sinh lý			
5	CKI480	Nguyễn Văn Tuấn	15/12/1981	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
6	CKI481	Nguyễn Đình Tuệ	23/10/1979	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
7	CKI482	Vũ Thanh Tùng	15/02/1990	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
8	CKI483	Dương Văn Tùng	29/09/1993	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
9	CKI484	Lương Thanh Tùng	26/09/1980	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
10	CKI485	Nguyễn Xuân Tùng	14/07/1969	Răng hàm mặt	Giải phẫu			
11	CKI486	Nguyễn Thanh Tùng	23/6/1980	Da liễu	Sinh lý			
12	CKI487	Bùi Thanh Tùng	22/12/1980	CDHA	Giải phẫu			
13	CKI488	Hà Huy Tương	03/02/1986	Tai mũi họng	Giải phẫu			
14	CKI489	Bùi Thị Kim Tuyền	29/01/1990	Sản phụ khoa	Giải phẫu			
15	CKI490	Phạm Thị Kim Tuyền	12/03/1991	Nhi khoa	Sinh lý			
16	CKI491	Nguyễn Thị Tuyền	14/10/1982	Nội khoa	Sinh lý			
17	CKI492	Nguyễn Thị Tuyền	10/8/1972	Nội khoa	Sinh lý			
18	CKI493	Đặng Minh Tuyền	25/4/1988	CDHA	Giải phẫu			
19	CKI494	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	01/12/1974	Xét nghiệm y học	Sinh lý			
20	CKI495	Nguyễn Hồng Tuyết	17/4/1987	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
21	CKI496	Hà Thị Tuyết	27/02/1985	Phục hồi chức năng	Sinh lý			
22	CKI497	Hoàng Văn Ứng	08/10/1981	Nội khoa	Sinh lý			
23	CKI498	Hoàng Văn Út	29/11/1976	Lao	Sinh lý			
24	CKI499	Vũ Thị Hạnh Uyên	16/02/1986	Tai mũi họng	Giải phẫu			
25	CKI500	Vũ Thị Hạnh Uyên	16/02/1986	Tai mũi họng	Giải phẫu			

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHY - DƯỢC TN
HỘI ĐỒNG TS ĐHY - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

Địa điểm thi: Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC - 2021

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA I

PHÒNG THI SỐ: 21

MÔN THI: Cơ sở ngành

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI501	Nông Thị Lan	Uyên	02/02/1974	Y tế công cộng	Vi sinh		
2	CKI502	Nguyễn Thị	Vân	26/11/1990	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
3	CKI503	Hoàng Thị	Vân	27/01/1991	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
4	CKI504	Nguyễn Thị	Vân	29/12/1976	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
5	CKI505	Lã Thị	Vân	21/6/1985	Nội khoa	Sinh lý		
6	CKI506	Đoàn Anh	Văn	15/03/1985	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
7	CKI507	Nguyễn Thị	Việt	27/12/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ bản		
8	CKI508	Nguyễn Đức	Vinh	20/10/1982	Nội khoa	Sinh lý		
9	CKI509	Chu	Vinh	10/4/1975	Nội khoa	Sinh lý		
10	CKI510	Nguyễn Văn	Vĩnh	13/11/1972	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
11	CKI511	Trần	Vũ	05/06/1990	Răng hàm mặt	Giải phẫu		
12	CKI512	Nguyễn Ngọc	Vũ	28/11/1993	Y học gia đình	Sinh lý		
13	CKI513	Vũ Gia	Vụ	10/03/1978	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
14	CKI514	Hoàng Văn	Vững	01/4/1979	Y tế công cộng	Vi sinh		
15	CKI515	Nguyễn Thị	Vy	18/01/1985	Gây mê hồi sức	Sinh lý		
16	CKI516	Hoàng Thị	Xuân	14/05/1984	Y tế công cộng	Vi sinh		
17	CKI517	Nguyễn Thị	Yến	06/03/1981	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
18	CKI518	Nguyễn Hoàng	Yến	07/02/1990	Sản phụ khoa	Giải phẫu		
19	CKI519	Phạm Thị Hải	Yến	12/07/1990	Nhi khoa	Sinh lý		
20	CKI520	Quảng Thị Hải	Yến	22/12/1990	Nhi khoa	Sinh lý		
21	CKI521	Nguyễn Thị Minh	Yến	15/02/1987	Dược lý - DLS	Dược lý		
22	CKI522	Trần Thị Vân	Yến	20/11/1984	Dược lý - DLS	Dược lý		
23	CKI523	Lê Hải	Yến	27/09/1993	Xét nghiệm y học	Sinh lý		
24	CKI524	Lê Thị Hải	Yến	20/9/1984	Phục hồi chức năng	Sinh lý		
25	CKI525	Lò Huyền	Trang	21/01/1986	Răng hàm mặt	Giải phẫu		

Ấn định: 25 thí sinh

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số TS vi phạm quy chế:

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)